

Phụ lục

Gói thầu: Mua sắm tập trung thủy tinh thể nhân tạo cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế (24 tháng) từ Quý III năm 2025 đến hết Quý II năm 2027.

(Kèm theo Công văn Số: /BVM-KD ngày /05/2025 của Bệnh viện Mắt Bình Định)

STT	Tên hàng hoá	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị	Số lượng
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự.	<ol style="list-style-type: none">Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự, một mảnh.Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic).Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh, phi cầu hai mặt lồi.Chỉ số khúc xạ: Từ 1.53 đến 1.55.Đặc điểm: 2 còng hoặc 4 còng.Chiều dài thủy tinh thể: 11.4 mm đến 13.0 mm.Kích thước vết mổ: ≤ 2.2 mm.Dãy công suất: Từ +10.0 D đến +30.0 D.Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần: từ +3.0 D đến +3.5 D; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn trung gian: từ +1.75 D đến +2.25 D.Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU) hoặc G7.	Cái	110
2	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none">Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh.Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic), không có hiện tượng Glistening.Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh.Chỉ số khúc xạ: Từ 1.53 đến 1.54.Thiết kế: 4 còng.Đặc điểm: Phi cầu hai mặt lồi.Chiều dài thủy tinh thể: ≤ 11.0 mm.Đường kính vùng quang học: ≤ 6.0 mm.Kích thước vết mổ: Từ 2.2 mm đến 2.4 mm.Dãy công suất: Từ 0.0 D đến +30.0 D.Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU).	Cái	6.500

3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kéo dài tiêu cự.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, kéo dài tiêu cự, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic), không có hiện tượng Glistening. 3. Màu sắc: Màu vàng; lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.53. 5. Thiết kế: 4 càng. 6. Đặc điểm: Phi cầu. 7. Chiều dài thủy tinh thể: ≤ 11 mm. 8. Đường kính vùng quang học: ≤ 6 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≤ 2.8 mm. 10. Dây công suất: Từ +10.0 D đến +30.0D. 11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU). 	Cái	420
4	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic), không có hiện tượng Glistening. 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.53. 5. Thiết kế: 4 càng. 6. Đặc điểm: Phi cầu. 7. Chiều dài thủy tinh thể: ≤ 11 mm. 8. Đường kính vùng quang học: ≤ 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≤ 2.4 mm. 10. Dây công suất: Từ -5.0 D đến +35.0 D. 11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU). 	Cái	1.050

5	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kéo dài tiêu cự.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm kéo dài tiêu cự (EDOF), trong suốt, bổ sung tầm nhìn trung gian, phi cầu. 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước. 3. Màu sắc: Không màu hoặc màu vàng, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.47. Chỉ số cầu sai $-0,27\mu\text{m}$ đến $-0,2\mu\text{m}$. 5. Đặc điểm: Càng chữ C hoặc chữ L cải tiến, góc càng 0°. 6. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm. 7. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 8. Kích thước vết mổ: Từ 2.2 mm đến 2.4 mm. 9. Dây công suất: Từ +10.0 D đến +30.0 D (bước nhảy 0.5D). 10. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge (injector dạng xoay). 11. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA. Xuất xứ G7. 	Cái	3.700
6	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước. 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: 1.49. 5. Thiết kế: 2 càng, càng chữ C, góc càng $\geq 0^\circ$ 6. Đặc điểm: Phi cầu, bờ vuông 360°. 7. Chiều dài thủy tinh thể: ≥ 12.5 mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≤ 2.6 mm. 10. Dây công suất: Từ +4.0 D đến +34.0 D bước nhảy 0.5D. 11. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ G7. 	Cái	2.000
7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 25% đến 26%, với bề mặt không ngâm nước. 3. Màu sắc: Trong suốt, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: 1.46. 5. Thiết kế: Càng dạng phiên hoặc 4 điểm tựa, bờ vuông 360°, góc càng 0°. 6. Đặc điểm: Phi cầu, cầu sai trung tính. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 10.5 mm đến 11.0 mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm đến 6.2 mm. 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm. 10. Dây công suất: Từ +0.0 D đến +30.0D. 11. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ G7. 	Cái	5.000

8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước (hydrophobic). 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: Từ 1.47 đến 1.49. 5. Thiết kế: Càng chữ C, góc càng <math>2^\circ</math>. 6. Đặc điểm: Phi cầu trung tính, bờ vuông <math>360^\circ</math>. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 13 mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≤ 2.2 mm. 10. Dãy công suất: Từ -5.0 D đến +40.0 D. 11. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector). 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. <p>Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU).</p>	Cái	2.000
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước. 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: Từ 1.54 đến 1.55. 5. Thiết kế: 2 càng hoặc 4 càng, góc càng <math>0^\circ</math>. 6. Đặc điểm: Phi cầu. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 11mm đến 13mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2mm. 10. Dãy công suất: Từ +6.0D đến +30.0D. 11. Thủy tinh thể đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ G7. 	Cái	1.500
10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngấm nước. 3. Chỉ số khúc xạ: Từ 1.47 đến 1.55. 4. Thiết kế: Hai càng. 5. Đặc điểm: Phi cầu. 6. Chiều dài thủy tinh thể: 13mm. 7. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 8. Dãy công suất: Từ +6.0D đến +30.0D. 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge (injector dạng xoay) chính hãng. 10. Đạt tiêu chuẩn: FDA. <p>Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU) hoặc G7.</p>	Cái	1.500

11	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh . 2. Chất liệu: Hydrophilic acrylic ngâm nước 26%. 3. Chỉ số khúc xạ: 1.46. 4. Thiết kế: 2 còng hoặc 4 còng, góc còng 0°. 5. Đặc điểm: Phi cầu, bờ vuông 360° . 6. Chiều dài thủy tinh thể: Từ 10.5mm đến 12.5mm. 7. Đường kính vùng quang học: 6.0 mm. 8. Kích thước vết mổ: 2.2mm. 9. Dây công suất: Từ +0.0 D đến +30.0D. 10. Thủy tinh thể đặt sẵn trong dụng cụ đặt kính. 11. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ G7. 	Cái	1.000
12	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 25% với bề mặt không ngâm nước. 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.46. 5. Thiết kế: 4 còng dạng đĩa hoặc tương đương, góc còng 0°. 6. Đặc điểm: Phi cầu không quang sai, bờ vuông 360°. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 11.0 mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6mm. 9. Kích thước vết mổ: Từ 1.8mm đến 2.4mm. 10. Dây công suất: Từ 0.0D đến +35.0D. 11. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt (cartridge + injector) hoặc tương đương. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. <p>Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu hoặc G7.</p>	Cái	1.000
13	Thủy tinh thể mềm, 3 mảnh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, ba mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic kỵ nước, chất liệu PMMA màu xanh. 3. Màu sắc: Trong suốt; lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: Từ 1.47 đến 1.55. 5. Thiết kế: 2 còng dạng chữ C. 6. Đặc điểm: Kính cầu. 7. Chiều dài thủy tinh thể: 13.0 mm. 8. Đường kính vùng quang học: 6 mm. 9. Dây công suất: Từ +6.0D đến +30.0D. 10. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt cartridge (injector dạng xoay). 	Cái	100

14	Thủy tinh thể nhân tạo cứng, cố định cũng mạc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo cứng, cố định cũng mạc. 2. Chất liệu: PMMA. 3. Màu sắc: Trong suốt, lọc tia cực tím (UV). 4. Thiết kế: Càng chữ C. 5. Chiều dài thủy tinh thể: Từ 12.5 đến 13.75 mm. 6. Đường kính vùng quang học: Từ 6.5 đến 7.0 mm. 7. Dây công suất: Từ +10.0D đến +30.0D. 	Cái	100
15	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic hỗn hợp (HEMA/EOEMA copolymer) (tương đương ngâm nước 25%). 3. Màu sắc: Trong suốt, lọc tia cực tím (UV). 4. Chỉ số khúc xạ: ≤ 1.46. Chỉ số ABBE ≤ 47 5. Thiết kế: 4 càng hoặc hình đĩa, góc càng $\geq 5^\circ$ cùng chất liệu với vùng quang học. 6. Đặc điểm: Phi cầu, cầu sai $\geq -0.14 \mu\text{m}$, bờ vuông chống đục bao sau. 7. Chiều dài thủy tinh thể: $\leq 11.0 \text{ mm}$; 8. Đường kính vùng quang học: $6.0 \text{ mm} \pm 5\%$. 9. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2 \text{ mm}$ 10. Dây công suất: Từ +5.0 D đến +30.0 D. 11. Thủy tinh thể lắp sẵn trong cartridge hoặc tương đương 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. <p>Xuất xứ: Liên Minh Châu Âu (EU) hoặc G7.</p>	Cái	450
16	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước (hydrophobic). 3. Màu sắc: Màu vàng, lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.47 5. Thiết kế: 2 càng kép chữ C, bờ vuông 360°. 6. Đặc điểm: Phi cầu . 7. Chiều dài thủy tinh thể: $\geq 11.5 \text{ mm}$. 8. Đường kính vùng quang học: $\geq 5.8 \text{ mm}$. 9. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2 \text{ mm}$. 10. Dây công suất: Từ 0.0 D đến +35D. 11. Thủy tinh thể đặt sẵn trong cartridge và injector. 12. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc FDA. Xuất xứ: Liên minh Châu Âu (EU). 	Cái	300
Tổng cộng:				26.730

